TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/ 2019/DS-PT.
Ngày: 20 - 3 - 2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.
Các Thẩm phán: Ông Lê Anh Dũng.
Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên

Ngày 20/02/2019 và ngày 20/3/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐPT-DS ngày 31/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Số 21 Cao, thành phố Đ, tỉnh Q. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: thôn G, xã G A, huyện G, tỉnh Q. Có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Đình C, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Hẻm 95 T, Khu phố 9, P5, thành phố Đ, Q. Có mặt.
4. Người làm chứng:
- Ông Thái Minh T, sinh năm 1948; địa chỉ: 34/04C, Tân Hiệp, Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương. Vắng mặt.
- Chị Lý Thị Thanh T; địa chỉ: thôn G, xã G A, huyện G, tỉnh Q. Có mặt.
5. Người kháng cáo: Chị Hoàng Thị T - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ngày 10/7/2012, chị Hoàng Thị T có vay ông Đ số tiền là 150.000.000đ, lãi suất là 1,2%/tháng, thời hạn vay là 04 năm. Ông Lý Đình C là người bảo lãnh cho chị T vay khoản tiền này. Nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Lý Đình C và chị Hoàng Thị T phải liên đới trả số tiền gốc là 150.000.000 đ và tiền lãi từ ngày

10/7/2012 với lãi suất 1%/tháng (trên tổng số tiền gốc), tính đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm ngày 16/11/2018 là 109.750.000đ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Thực tế chị T chỉ vay ông Đ số tiền 15.000.000đ vào ngày 08/4/2012 âm lịch, nên chị T chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh của khoản tiền này cho ông Đ. Đối với Giấy vay tiền ngày 10/7/2012 với khoản vay 150.000.000đ, chị T không vay ông Đ nhưng thừa nhận chữ ký và chữ viết ở Giấy vay tiền là của chị T, vì chị T cho rằng khi vay tiền vào ngày 08/4/2012 âm lịch, chị T có ký khống vào một tờ giấy trắng và ông Lý Đình C cũng ký vào bên cạnh với tư cách là người làm chứng. Ông Lý Đình C không liên quan đến khoản vay của chị T, ông C chỉ ký với tư cách người làm chứng không phải người bảo lãnh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Đình C trình bày: Sáng 08/4/2012 (âm lịch) ông có dẫn chị Hoàng Thị T đến nhà ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền là 15.000.000đ. Khi đến vay, chị T và ông C có ký khống vào mặt sau của giấy vay tiền mà không ghi nội dung. Sau khi đi Bình Dương về, chị Hoàng Thị T có đến gặp ông Đ để trả số tiền 15.000.000đ và tiền lãi nhưng ông Đ không đồng ý mà yêu cầu trả 150.000.000đ. Việc ông C ký vào Giấy vay tiền với tư cách là người làm chứng chứ không phải là người bảo lãnh, nên ông Lý Đình C không đồng ý với ý kiến của ông Đ về việc buộc ông C thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền cùng chị Hoàng Thị T.

Tại bản trình bày ý kiến do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương lập, người làm chứng ông Thái Minh T trình bày: Thời gian từ ngày 05/7/2012 đến ngày 28/8/2013 bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975 và con trai là Lâm Công A, sinh năm 1996 có thuê phòng trọ của ông Tâm, sống chung với hai mẹ con bà T còn có bà Hoàng Thị Pvà bà Hoàng Thị B; công việc hằng ngày của bà T là thu mua phế liệu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 16/11/2018 của TAND huyện Gio Linh đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 100, 361, 471, 473 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc buộc ông Lý Đình C và chị Hoàng Thị T liên đới thanh toán khoản tiền vay theo giấy vay tiền ngày 10/7/2012.

- Buộc chị Hoàng Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 259.750.000đ *(Hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo giấy vay tiền ngày 10/7/2012, trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 10/7/2012 đến ngày 16/11/2018 là 109.750.000 đồng.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 12.987.500đ *(Mười hai triệu chín trăm bảy tám nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ông Nguyễn Văn Đ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000331 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, chị Hoàng Thị T kháng cáo với nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm ngày 16/11/2018 của TAND huyện Gio Linh xét xử buộc chị Hoàng Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ 259.750.000đ, trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi 109.750.000 đồng là chưa khách quan, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ đúng quy định, chưa xem xét tính hợp pháp của hợp đồng.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm xét xử ngày 16/11/2018.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giám định chữ ký và nội dung vay tiền của nguyên đơn cung cấp để làm rõ mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng Lý Đình C và Lý Thị Thanh T đến phiên tòa phúc thẩm.

- Làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ lừa người bị hại trong lúc túng quẫn ký khống vào giấy trống không có nội dung để viết giấy vay nhằm chiếm đoạt tài sản.

Trong giai đoạn thụ lý vụ án để giải quyết theo trình tự phúc thẩm, ngày 18/01/2019 chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với giấy vay tiền mà nguyên đơn làm căn cứ để khởi kiện; ngày 18/01/2019, TAND tỉnh Quảng Trị đã ban hành quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGĐ đề nghị Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ công an tại thành phố Đà Nẵng giám định để làm rõ: Nội dung của "Giấy thỏa thuận vay tiền có người bảo lãnh" ngày 10/7/2012 bắt đầu từ câu: *"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VNam…"* cho đến hết phần *"... Người cầm vay; người bảo lĩnh"* có được viết cùng thời điểm với chữ ký của người mang tên Hoàng Thị T và người bảo lãnh Lý Đình C hay không? Nếu không cùng thời điểm viết thì thời gian viết của từng phần trên được thực hiện khi nào? Khoảng cách về thời gian viết nội dung và chữ ký của "Giấy thỏa thuận vay tiền có người bảo lãnh".

Ngày 05/3/2019, Phân viện KTHS Bộ công an tại thành phố Đà Nẵng đã có kết luận giám định số 109/C09C(Đ2), kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Thị T (dưới mục "Người cầm vay") và Lý Đình C (dưới mục "Người bảo lãnh") được ký và viết sau nội dung chữ viết còn lại trên "Giấy thỏa thuận vay. Tiền có người bảo lãnh" trừ các nội dung chữ số, chữ viết: "10", "7", "2012", "4 năm (Bốn năm) Trả hàng tháng"; "chúng"; "Trả nợ này"), nhưng không xác định được thời gian ký, viết cụ thể của từng phần.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc chị Hoàng Thị T trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 259.750.000đ theo giấy vay tiền ngày 10/7/2012, trong đó tiền gốc là 150.000.000đ, tiền lãi từ ngày 10/7/2012 đến ngày 16/11/2018 là 109.750.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm chị Hoàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án số 04/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của TAND huyện Gio Linh. Kháng cáo của chị T trong hạn luật định, phù hợp quy định tại Điều 272, 273 và 284 BLTTDS, do đó Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý để xem xét kháng cáo của chị T là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Hoàng Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Đình C phải liên đới trả số tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi từ ngày 10/7/2012 với lãi suất 1%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và giải quyết vụ án là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Tại bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, chị Hoàng Thị T cho rằng chị T có vay ông Nguyễn Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 08/4/2012 âm lịch, khi thực hiện việc vay tiền, theo yêu cầu của ông Đ, chị T đã ký khống vào tờ giấy trắng không ghi nội dung. Khoảng thời gian từ ngày 05/7/2012 cho đến ngày 28/8/2013, chị T vào làm ăn tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên chị T không vay ông Đ số tiền 150.000.000đ như ông Đ đã khởi kiện; ông Lý Đình C thì cho rằng khi đưa chị T đến vay ông Nguyễn Văn Đ 15.000.000đ ông C cũng đã ký vào tờ giấy trắng với tư cách người làm chứng; chị Lý Thị Thanh T có xác nhận là vào ngày 18/4/2012(âm lịch) chị Tuyền chứng kiến việc chị T vay ông Đ 15.000.000đ và chị T cùng ông C ký khống vào một tờ giấy trắng tại nhà ông Đ. Về những vấn đề nêu này, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Thái Minh T ngày 12/4/2018, ông Tâm xác định từ ngày 05/7/2012 cho đến ngày 28/8/2013 chị T có thuê phòng trọ của ông, không đăng ký tạm trú nhưng không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ gì khác ngoài lời khai của mình để chứng minh là ngày 10/7/2012 chị Hoàng Thị T có mặt tại phòng trọ của mình vào thời điểm nào trong ngày; Công an xã Gio An có xác nhận chị Hoàng Thị T trong khoảng thời gian trên không có mặt tại xã Gio An nhưng không phải là chứng cứ để chứng minh chị T vắng mặt 24 giờ tại tỉnh Quảng Trị vào ngày 10/7/2012. Phía chị T cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là ngày 10/7/2012 chị vắng mặt tại tỉnh Quảng Trị và đang thuê phòng trọ của ông Thái Minh T tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của chị T về việc chị T không có mặt tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 10/7/2012; chị Hoàng Thị T, ông Lý Đình C cho rằng có ký khống vào tờ giấy trắng do ông Đ đưa, chị Lý Thị Thanh T chứng kiến việc chị T và ông C ký khống vào một tờ giấy trắng tại nhà ông Đ nhưng không có cơ sở để xác định tờ giấy đó có phải là văn bản để thiết lập nên giấy vay tiền ngày 10/7/2012 hay không; ngoài ra chị T khai đã ký khống vào một tờ giấy trắng, trong khi ông C (là người ký) và chị Tuyền (người chứng kiến) lại khai chị T và ông C ký vào mặt sau tờ giấy vay tiền, do đó lời khai này giữa các bên có sự mâu thuẫn.

[3.2]. Về nội dung Giấy vay tiền ngày 10/7/2012: Chị Hoàng Thị T và ông Lý Đình C đều thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy vay tiền là của mình và cho rằng được ký khống khi chưa có nội dung, còn nội dung của giấy vay tiền do ông Đ viết thêm để cho rằng chị T vay 150.000.000đ và ông C là người bảo lãnh là không có căn cứ. Xét thấy, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với giấy vay tiền mà nguyên đơn làm căn cứ để khởi kiện; TAND tỉnh Quảng Trị đã ban hành quyết định trưng cầu giám định và Phân viện KTHS Bộ công an tại thành phố Đà Nẵng đã có kết luận giám định số 109/C09C(Đ2), kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Thị T (dưới mục "Người cầm vay") và Lý Đình C (dưới mục "Người bảo lãnh") được ký và viết sau nội dung chữ viết còn lại trên "Giấy thỏa thuận vay. Tiền có người bảo lãnh" trừ các nội dung chữ số, chữ viết: "10", "7", "2012", "4 năm (Bốn năm) Trả hàng tháng"; "chúng"; "Trả nợ này"), nhưng không xác định được thời gian ký, viết cụ thể của từng phần. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định nội dung giấy vay tiền được viết trước chữ ký và chữ viết của chị T và ông C, nên không có căn cứ cho rằng giấy vay tiền ngày 10/7/2012 là do ông Đ viết khống nội dung: Người vay là chị Hoàng Thị T, người bảo lãnh là ông Lý Đình C; số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất là 1,2%/tháng; trường hợp người vay không trả được thì người bảo lãnh phải trả nợ thay cho người vay. Đây là hợp đồng vay tiền giữa chị Hoàng Thị T với ông Nguyễn Văn Đ và người bảo lãnh là ông Lý Đình C. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T đề nghị chỉ trả cho ông Đ 150.000.000đ nợ gốc nhưng ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để khẳng định chị Hoàng Thị T vay ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 năm kể từ ngày 10/7/2012 cho đến 10/7/2016. Khi đến hạn thanh toán, chị Hoàng Thị T không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận nên ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Hoàng Thị T phải trả ông Nguyễn Văn Đ số tiền là 150.000.000đ tiền gốc và lãi suất 01% tháng tính từ ngày 10/7/2012 đến ngày khởi kiện 11/10/2017 là 94.350.000đ, ông Đ chỉ yêu cầu 90.000.000đ; tiền lãi từ ngày 12/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2018

là 13 tháng 05 ngày : 19.750.000đ, tổng cộng số tiền lãi chị T phải trả cho ông Đ 109.750.000đ là có căn cứ và đúng pháp luật. Cần chấp nhận ý kiến của VKSND tỉnh Quảng Trị bác toàn bộ kháng cáo của chị Hoàng Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do quan hệ vay tài sản của các đương sự được giao kết trước năm 2015 đến nay chưa thực hiện xong, nội dung và hình thức hợp đồng vay phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nhưng cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết là không đúng, do đó cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4]. Về chi phí giám định: Toàn bộ chi phí giám định hết 3.000.000đ, do yêu cầu của chị Hoàng Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu toàn bộ chi phí giám định, chị T đã nộp đủ.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của chị Hoàng Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DSST ngày 16/11/2018 của TAND huyện Gio Linh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 335, 463, 466, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Buộc chị Hoàng Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 259.750.000đ *(Hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo giấy vay tiền ngày 10/7/2012 (trong đó: tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi từ ngày 10/7/2012 đến ngày 16/11/2018 là 109.750.000đ).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Đ 6.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0000331 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 12.987.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000481 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, chị T còn phải nộp 12.987.500đ *(Mười hai triệu chín trăm tám mươi bảy)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *TAND huyện Gio Linh;*
- *Chi cục THADS H. Gio Linh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Dũng **Nguyễn Thị Hà** **Trần Việt Trung**